

Bản án số: 30/2017/KDTM-PT

Ngày 20-9-2017

V/v Tranh chấp giữa thành viên  
công ty với công ty

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Võ Ngọc Thông;

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Xuân Thành;

Ông Lê Phước Thanh.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Thành An - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** Ông Thái Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 21/2017/KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc “*Tranh chấp giữa thành viên công ty với công ty*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/02/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21D/2017/QĐ-PT ngày 06/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn H; Địa chỉ: thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Thị Ly L – Hội viên Hội Luật gia tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần cao su TNT (Gọi tắt là Công ty TNT).

Địa chỉ: thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Sư T – Tổng Giám đốc. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Bùi Quang S - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Sư T; Địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Ông Trương Hữu T; Địa chỉ: TP Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

4. Người làm chứng:

Ông Lê Văn Q; Địa chỉ: TP. Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

Ông Trịnh Xuân H; Địa chỉ: xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

5. Người kháng cáo, Viện kiểm sát kháng nghị:

Kháng cáo của nguyên đơn, ông Dương Văn H.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

*Theo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị nội dung vụ án như sau:*

Công ty cổ phần cao su TNT được đăng ký lần đầu ngày 18/4/2012; Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/7/2012; Địa chỉ trụ sở chính: Khu phố 1, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Bao gồm các cổ đông sáng lập: Ông Nguyễn Sư T 270.000 cổ phần chiếm tỉ lệ 30%; Ông Trịnh Xuân H 198.000 cổ phần chiếm 22%; Bà Bùi Thị Kt 198.000 cổ phần chiếm 22%; Ông Dương Văn H 234.000 cổ phần chiếm 26%.

Trước khi đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ nhất, Hội đồng quản trị Công ty TNT đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-Cty ngày 20/5/2012, bổ nhiệm ông Dương Văn H giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc và Quyết định số 07/CT ngày 21/5/2012 bổ sung ông Dương Văn H làm cổ đông chiến lược.

Vào đầu năm 2015, ông Dương Văn H thấy Công ty TNT có dấu hiệu ngừng hoạt động nhưng Tổng giám đốc công ty không thông báo tình hình sản xuất kinh doanh cho các cổ đông biết. Do đó, Dương Văn H có yêu cầu với công ty trước khi giải thể phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận góp vốn cho các cổ đông để đảm bảo quyền lợi cho họ. Tuy nhiên, ngày 24/10/2015 ông Nguyễn Sư T – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty đã tiến hành họp Đại hội cổ đông trả lời khiếu nại do Dương Văn H chưa phải là cổ đông của công ty vì không xác định được vốn góp của Dương Văn H.

Ông Dương Văn H cho rằng: Tại Biên bản lập ngày 03/5/2012, giữa ông Dương Văn H và ông Nguyễn Sư T có thống nhất: Đưa vườn ươm Hồ T của Dương Văn H có địa chỉ tại xã Q, huyện G, tỉnh Quảng Trị có trị giá 826.930.000 đồng làm vốn góp vào công ty và hiện nay tài sản vườn ươm đã là tài sản của công ty. Đặc biệt, tại Biên bản nội dung họp Hội đồng quản trị ngày 19/9/2013 có nội dung “Đến ngày 19/9/2013 số tiền đã tạm góp vốn vào công ty như sau: Ông

*Dương Văn H 320.000.000 đồng*”. Tại Bản chi tiết giá trị vốn góp hiện có tại công ty đến ngày 02/11/2013 có xác nhận vốn góp của ông là 430.732.000 đồng; Việc thể hiện vốn góp này được thể hiện tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013. Do đó, ông Dương Văn H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Huỷ một phần Nghị Quyết của Đại hội cổ đông ngày 24/10/2015 của Công ty TNT có nội dung tại mục 5 là: “Công ty không trả lời đơn khiếu nại của ông Dương Văn H với lý do Dương Văn H chưa được công nhận là cổ đông của công ty vì không xác định được vốn góp của Dương Văn H”;

2. Buộc Công ty TNT xác nhận vốn góp của ông Dương Văn H là cổ đông của công ty đã góp vốn cổ phần vào Công ty TNT với số lượng 43.000 cổ phần tương đương với giá trị là 430.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 31/10/2016 và ngày 11/10/2016 ông Dương Văn H khởi kiện yêu cầu huỷ Công văn số 22/ĐKKD ngày 05/7/2016 của Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Trị. Ngày 31/10/2016, Dương Văn H yêu cầu Toà án huỷ: Biên bản Đại hội cổ đông thành lập Công ty TNT ngày 02/4/2012 ; Biên bản họp Đại hội cổ đông ngày 20/5/2012; Biên bản họp hội đồng quản trị ngày 02/11/2013; Ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty TNT ngày 11/01/2014 và danh sách cổ đông sáng lập ngày 21/6/2012.

*Theo các văn bản trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Tại cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013 thống nhất đưa vườn ươm của Dương Văn H có địa chỉ tại xã Q, huyện G, tỉnh Quảng Trị có trị giá 826.930.000 đồng làm vốn góp vào công ty. Tuy nhiên, số vốn góp của Dương Văn H chỉ thể hiện dưới dạng tài sản theo bảng kê đăng ký góp vốn, còn trên thực tế Dương Văn H chưa thực hiện việc bàn giao tài sản như đã cam kết. Ngược lại, đêm 12/3/2014 và ngày 13/3/2014 Dương Văn H đã đưa xe tải vào vườn ươm lấy hết tài sản, sự việc này Dương Văn H đã chứng nhận vào giấy do bảo vệ công ty giữ. Theo đó, công ty đã nhiều lần yêu cầu Dương Văn H bàn giao tài sản nhưng ông vẫn không thực hiện. Do đó, ngày 30/9/2015 Nghị quyết Hội đồng cổ đông xác định lại do Dương Văn H chưa bàn giao tài sản nên số vốn góp chưa được thẩm định, công ty yêu cầu Dương Văn H chậm nhất đến ngày 06/10/2015 phải bàn giao tài sản theo bảng kê dự toán vườn ươm giống cao su Hồ T. Ngày 06/10/2015, tại buổi làm việc giữa ông T và Dương Văn H thì Dương Văn H đã thừa nhận chưa bàn giao tài sản cho Công ty TNT. Vì vậy, vốn góp của Dương Văn H tại công ty 430.720.000 đồng chỉ thể hiện danh nghĩa trên giấy tờ, chưa xác định được cụ thể do chưa có tài sản để định giá.

Do Dương Văn H chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua nên sẽ không còn là cổ đông của công ty theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 112 của Luật Doanh nghiệp và Điều 17 của Điều lệ công ty.

Lẽ ra, Đại hội cổ đông bãi bỏ thành viên Hội đồng quản trị và chức vụ Phó tổng Giám đốc của Dương Văn H nhưng do muốn tạo điều kiện cho Dương Văn H có cơ hội góp vốn. Do vậy, nên kéo dài đến ngày 24/10/2015 Đại hội cổ đông mới họp biểu quyết 100% tán thành “Không chấp nhận ông Dương Văn H là cổ

đồng của công ty" và "Công ty không trả lời khiếu nại của ông Dương Văn H với lý do Dương Văn H chưa được công nhận là cổ đông của công ty, vì không xác định được vốn góp của Dương Văn H"

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24/10/2015 của Công ty TNT là phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty. Những nội dung khởi kiện của ông Dương Văn H là không có cơ sở, đề nghị xử bác yêu cầu khởi kiện của Dương Văn H.

Ngày 10/5/2016, Công ty TNT phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc:

1. Ông Dương Văn H phải thanh toán giá trị 1.500 cây giống cao su do mua cây năm 2013 để chuyển cho Binh đoàn XX. Dương Văn H mua cây của công ty tại thời điểm tháng 3/2013 với giá 15.000 đồng/cây, quy thành tiền bằng 22.500.000 đồng (1.500 cây x 15.000 đồng/cây);

2. Ngày 18/4/2012 (tức trước ngày Dương Văn H vào công ty). Ông Dương Văn H ký hợp đồng kinh tế số 02 vay của ông ông Trương Hữu T; Địa chỉ: thành phố Đ, Quảng Trị với tổng giá trị phải thanh toán là 595.000.000 đồng.

Dương Văn H đã trả được 295.000.000 đồng, Công ty chi tạm ứng để Dương Văn H trả cho ông Toán số tiền 300.000.000 đồng. Nay yêu cầu Dương Văn H phải hoàn ứng cho công ty số tiền 300.000.000 đồng.

3. Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013 xác nhận công nợ của ông Dương Văn H như sau:

- Tổng các khoản nợ: 1.735.408.000 đồng;

- Tổng các khoản ghi có: 2.166.140.000 đồng;

Cân đối: 2.166.140.000 đ - 1.735.408.000 đ = 430.732.000 đồng.

Tuy nhiên, trong khoản ghi có cho Dương Văn H có dự tính 800.930.000 đồng là giá trị vườn ươm giống cao su hồ Trúc Kinh mà Dương Văn H cam kết góp vốn vào công ty nhưng đến nay Dương Văn H vẫn chưa bàn giao cụ thể tài sản tức là tài sản đang thuộc quyền sở hữu của Dương Văn H.

Do đó, tổng các khoản ghi có của Dương Văn H là: 2.166.140.000 đồng - 800.930.000 đồng = 1.365.210.000 đồng.

Như vậy, cân đối Dương Văn H còn nợ tiền của công ty: 370.198.000 đồng (1.735.408.000 đ - 1.365.210.000 đ).

4. Trong quá trình kinh doanh trách nhiệm cá nhân của ông Nguyễn Sư T và ông Dương Văn H phải trả cho ông Trương Hữu T và bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền 980.000.000 đồng. Ông T đã trả được 500.000.000 đồng, còn lại

490.000.000 đồng Dương Văn H chịu trách nhiệm thanh toán. Đến nay, Dương Văn H mới trả được 150.000.000 đồng vì vậy còn phải tiếp tục trả 340.000.000 đồng để công ty trả cho ông T và bà Đ.

Công ty TNT yêu cầu phản tố tổng cộng: 1.032.698.000 đồng.

Ngày 06/6/2016, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Dương Văn H trình bày ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:

- Đối với yêu cầu trả giá trị bằng tiền 22.500.000 đồng cho 1.500 cây giống Tum Bàu, Dương Văn H cho rằng Giấy biên nhận chỉ là đơn đặt hàng, do cây giống của Công ty TNT không đủ tiêu chuẩn nên Binh đoàn XX không nhận cây. Mặt khác, Công ty TNT không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc giao nhận cây tại đâu; giao lúc nào, ai xuất giao; không có chứng từ tài chính thể hiện quan hệ mua bán; giao dịch dân sự đã hết thời hiệu khởi kiện.

- Đối với yêu cầu Dương Văn H phải hoàn ứng cho công ty số tiền 300.000.000 đồng, Dương Văn H cho rằng: Công ty TNT không cung cấp được đơn yêu cầu tạm ứng, ghi rõ người tạm ứng là ai; Nội dung tạm ứng là gì; Số tiền tạm ứng là bao nhiêu và thời hạn hoàn ứng. Do đó, phản bác yêu cầu phản tố này của bị đơn.

- Đối với yêu cầu do Dương Văn H chưa bàn giao tài sản đăng ký góp vốn nên nguyên đơn cần đối Dương Văn H còn nợ tiền của công ty: 370.198.000 đồng, Dương Văn H cho rằng: Tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013 xác nhận số vốn góp thực tế của ông là 430.732.000 đồng. Theo đăng ký vốn góp của Dương Văn H là 800.000.000 đồng nên chỉ còn thiếu so với số vốn đăng ký 369.268.000 đồng. Như vậy, số liệu tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013 mới đúng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy một phần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 24/10/2015 của Công ty TNT. Bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố đối với khoản tiền

340.000.000 đồng mà Dương Văn H phải trả cho ông Toán và bà Đào vì cho rằng đây là quan hệ cá nhân, quá trình giải quyết vụ án ông Toán, bà Đào không yêu cầu nên xin rút đối với yêu cầu phản tố này.

**Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2017/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị quyết định:**

Áp dụng Điều 29 Luật doanh nghiệp 2005; Điều 36, 37, khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 112, Điều 147 của Luật doanh nghiệp 2014; Khoản 4 Điều 30, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, 3, 5 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hủy một phần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 24/10/2015 của Công ty TNT của nguyên đơn ông Dương Văn H; Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố khoản tiền 340.000.000 đồng của bị đơn Công ty TNT.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn công ty TNT, buộc nguyên đơn ông Dương Văn H phải trả cho bị đơn Công ty TNT số tiền 692.698.000 đồng.

- Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quy định về thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/3/2017, nguyên đơn ông Dương Văn H kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm xét xử:

1. Huỷ một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu phản tố của Công ty TNT và đình chỉ giải quyết vụ án.

2. Huỷ một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân tỉnh Quảng Trị giải quyết lại vụ án.

3. Trong trường hợp phiên toà phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ về thu thập chứng cứ và chứng minh thì đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử buộc bị đơn Công ty TNT xác nhận vốn góp cho ông Dương Văn H 430.000.000 đồng.

Tại Kháng nghị số 03/2017/KN-KDTM-VC2 ngày 20/3/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/02/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị (bao gồm cả Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 06/3/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị). Đề nghị Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, tuyên huỷ toàn bộ Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 06/3/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

#### **Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:**

Nguyên đơn ông Dương Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

*Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*

- *Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng giữa ông Dương Văn H và Công ty TNT chưa tiến lập biên bản bàn giao góp vốn số lượng cây giống ươm (Tum Bàu cãm, Tum Bàu cãm ngọn và Sit Tum trần cây cao su) tại vườn ươm Hồ T nên không có cơ sở để xác nhận vốn góp của Dương Văn H là không đúng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể:

Vào ngày 03/05/2012, giữa ông Dương Văn H và ông Nguyễn Sư T đã lập Biên bản đưa vườn ươm của ông Dương Văn H tại Hồ T làm tài sản chung có trị giá 826 triệu đồng (BL 04). Kèm theo Biên bản có “*Bảng kê dự toán vườn ươm giống cao su Hồ T năm 2011-2012*” (BL 05,06). Tại Bảng kê dự toán vườn ươm giống cao su Hồ T năm 2011-2012 đã tổng hợp giá trị tài sản bằng hiện vật của ông Dương Văn H đầu tư vào Vườn ươm giống cao su Hồ T cụ thể như sau:

Các loại giống có giá trị: 600.000.000 đồng; các hạng mục khác được coi là giá trị vườn ươm gồm: Khoản thuê đất, khâu làm đất, hàng rào, hệ thống điện, nước và các dụng cụ, công cụ có tại vườn ươm là 226.930.000 đồng.

Sau khi ông Dương Văn H tham gia vào Cổ đông Công ty thì ông Nguyễn Sư T – Tổng Giám đốc Công ty đã đưa toàn bộ giá trị cây giống vườn ươm và các dụng cụ như đã được kê tại Bảng dự toán nói trên làm tài sản góp vốn của Dương Văn H vào công ty. Việc đưa vườn ươm thanh toán cổ phần ông Dương Văn H được thể hiện tại Bảng quyết toán tài chính năm 2012, cụ thể tại trang “*Chứng từ ghi sổ số: 02 năm 2012*” (BL 55) có ghi:

*“Mục 2: Anh H góp vốn kinh doanh bằng tài sản: 87.119.000 đồng. Trong đó:*

*Chi phí sản xuất dở dang: 28.069.000 đ*

*Tài sản cố định – Nhà ở công nhân: 25.000.000 đ.*

*Công cụ, dụng cụ: 34.050.000*

*Mục 4: Anh H chi phí các khoản ở vườn: 714.811.000 đồng. Trong đó:*

*Tiền đầu tư cây giống (Tum Bàu, Tum Trần...): 624.711.000 đ.*

*Trả tiền công nhân: 90.100.000 đ.”*

Tổng cộng quyết toán vốn của Dương Văn H góp vào Công ty là 801.930.000 đồng, còn thiếu 25.000.000 đồng.

Nhưng với động cơ gian lận nên các Bảng quyết toán năm 2013 và 2014 ông T chỉ đạo kế toán là ông Lê Văn Q đưa ra ngoài. Tuy vậy, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phần tranh tụng bị đơn đã thừa nhận vườn ươm Hồ T hiện nay do Công ty đang sử dụng (BL 543; 544) và Công ty chỉ có một vườn ươm cao su Hồ T.

Đến ngày 30, 31/12/2012, Công ty TNT đã tiến hành lập Tổ kiểm kê tài sản hiện có tại Vườn ươm cao su Hồ T mà Dương Văn H đã đầu tư. Tổ kiểm kê này gồm có: Ông Dương Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc được phân công làm Trưởng ban, ban viên gồm bà Trần Thị Th - chức vụ Tổ trưởng Tổ sản xuất, ông Trần Xuân Đ - chức vụ: Cán bộ kỹ thuật và ông Trần Xuân H - chức vụ Bảo vệ. (BL 52, 53) (BL 313, 314). Kết quả, các tài sản được kiểm kê hiện có tại vườn ươm Hồ T trùng khớp với các loại tài sản tại Bảng kê dự toán vườn ươm giống cao su Hồ T năm 2011-2012 của ông Dương Văn H và số lượng cây giống còn nhiều hơn so với số lượng cây giống theo Bảng kê dự toán vườn ươm giống cao su Hồ T năm 2011-2012.

Do Công ty quyết toán thiếu 25.000.000 đ cho ông Dương Văn H nên vào ngày 12/3/2015 Dương Văn H đã lấy lại 22 loại dụng cụ mà Công ty đã loại ra khỏi tài sản mà Dương Văn H đã góp vốn vào công ty.

Ngoài ra, vấn đề vốn góp đã được Công ty TNT nhiều lần xác nhận như:

Biên bản họp HĐQT ngày 02/11/2013 của Công ty TNT xác nhận số vốn Dương Văn H đăng ký góp: 800 triệu (BL 09, 10).

Bản đối chiếu công nợ ngày 02/11/2013 do kế toán Lê Văn Q lập, xác định: Vốn góp của ông Dương Văn H là: 430.732.000 đồng. Công ty cũng căn cứ vào Bản đối chiếu công nợ này để phản tố cho rằng ông Dương Văn H còn nợ vốn góp của công ty số tiền 370.198.000 đồng (BL 07).

Tại Bản cam kết trả nợ ngày 09/01/2014 của ông Dương Văn H, Công ty còn đồng ý bán vườn ươm chia tài sản cho Dương Văn H theo số vốn Dương Văn H đã góp.

Tại Công văn số 18/2015/TL-TB ngày 07/5/2015 của Công ty TNT về việc trả lời Thông báo thụ lý vụ án KDTM mà ông Dương Văn H đã khởi kiện trước đây, có nội dung trả lời: “*Theo thỏa thuận làm việc giữa ông Dương Văn H và ông Nguyễn Sư T thì Dương Văn H đã đầu tư 826.000.000 đ. Đến ngày 02/11/2013 Công ty CP TNT tiến hành họp ĐHCĐ và xác định vốn góp vào Công ty mà Dương Văn H phải nộp là 800.000.000đ, đã nộp 430.732.000đ, còn phải nộp 369.268.000đ...*”. Cũng tại văn bản này Công ty TNT khẳng định rằng 22 loại tài sản Dương Văn H lấy về là tài sản vốn góp của Dương Văn H vào Công ty.

Như vậy, có căn cứ khẳng định giá trị tài sản bằng hiện vật Dương Văn H đầu tư vào vườn ươm Hồ T nói trên đã được đưa vào góp vốn cho Công ty TNT và giá trị thực tế còn lớn hơn nhiều so với số tiền mà ông Dương Văn H yêu cầu công ty xác nhận vốn góp là 430.732.000 đồng.

Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử buộc Công ty TNT phải có nghĩa vụ thừa nhận bằng thủ tục pháp lý số vốn góp cho ông Dương Văn H.

- *Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn:*

+ **Về tố tụng:** Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

Chưa đủ điều kiện khởi kiện: Được quy định tại điểm d khoản 1, Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, nay là điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì yêu cầu phản tố của bị đơn là tranh chấp giữa Công ty và thành viên Công ty nhưng không tiến hành giải quyết nội bộ trước khi khởi kiện là vi phạm về “*điều kiện khởi kiện*” quy định tại Điều 39 Điều lệ của Công ty (BL 89); khoản 9 Điều 22 Luật Doanh nghiệp 2005 nay là điểm h khoản 1 Điều 25 của Luật Doanh nghiệp 2014.

Thời hiệu khởi kiện đã hết: Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý yêu cầu của bị đơn đã vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004.

Ngay sau khi nhận Thông báo thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn, ông Dương Văn H đã có ý kiến yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nhưng Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không xem xét là trái quy định pháp luật. Đáng lẽ ra trong trường hợp này Tòa án cấp sơ thẩm phải áp dụng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 nay là điểm e khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để bác và đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Yêu cầu phản tố của bị đơn cho rằng ông Dương Văn H xâm phạm đến quyền lợi của Công ty TNT đều phát sinh từ năm 2013 nhưng mãi đến ngày 10/5/2016 phía Công ty mới yêu cầu là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 của Luật thương mại 2005; Điều 427 và Điều 607 của Bộ luật Dân sự năm 2005.



**+ Về nội dung:**

*Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Dương Văn H phải thanh toán cho Công ty TNT số tiền 22.500.000 đồng do mua 1.500 cây tum bầu giống là không có cơ sở.*

Vào năm 2011, Công ty TNHH MTV TT do ông Dương Văn H làm Giám đốc, ký hợp đồng mua bán với Đoàn KTQP XX, có số lượng cung ứng 80.000 bầu cây cao su. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Dương Văn H đã hứa cấp bù cho Đoàn KTQP XX số lượng 1.500 cây Tum Bầu.

Để thực hiện cấp bù 1.500 cây nói trên, vào đầu năm 2013 ông Dương Văn H có đặt vấn đề với ông Nguyễn Sư T để mua của Công ty TNT 1.500 cây Tum Bầu giống. Ông Nguyễn Sư T yêu cầu Dương Văn H viết Giấy biên nhận để ông T có căn cứ giao cho bộ phận vườn ươm và kế toán làm thủ tục xuất bán cho Dương Văn H để Dương Văn H trả nợ cho Đoàn KTQP XX. Do đó, ông Dương Văn H đã viết Giấy biên nhận chuyển cho ông Nguyễn Sư T. Tuy nhiên, khi đại diện của Đoàn KTQP XX xem cây giống thì từ chối không nhận với lý do Cây giống không đạt chất lượng.

Thực hiện nghĩa vụ của mình, ông Dương Văn H đã mua của ông Dương Văn T - DN T T để cấp bù cho Đoàn KTQP XX số lượng 1.500 cây Tum Bầu. Việc này đã được ông Vũ Xuân T là Trưởng phòng khoa học - công nghiệp Đoàn KTQP XX, Binh đoàn 1X Bộ Quốc Phòng có văn bản Xác nhận ngày 05/02/2013 (BL 271). Văn bản này phù hợp với văn bản xác nhận lập ngày 05/02/2013 giữa bà Trần Thị Thiệt và ông Vũ Xuân T đều có nội dung là lấy cây giống tại vườn ươm Xóm Mít của Doanh nghiệp T T.

Giai đoạn phúc thẩm, Công ty TNT cung cấp Giấy xác nhận lập ngày 23/7/2017 của bà Trần Thị T có nội dung: Ngày 05/02/2012 Công ty TNT có xuất cây giống cao su Bầu Cẩm tại vườn cây của Doanh nghiệp TT (Cây của Công ty TNT gửi) để bù cho Binh đoàn XX... đây là chứng cứ giả tạo. Nếu có việc Công ty TNT gửi cây tại Doanh nghiệp TT thì đề nghị Công ty cung cấp chứng từ gửi giữ. Vì sao Công ty TNT cũng có vườn ươm và ươm giống cùng loại mà phải gửi sang Doanh nghiệp TT để cấp cho Binh đoàn XX.

*Đối với số tiền 300.000.000 đồng Tòa án sơ thẩm tuyên buộc ông Dương Văn H phải hoàn lại cho Công ty số tiền mà Dương Văn H đã tạm ứng để trả nợ cho ông Trương Hữu T cũng là không có cơ sở. Bởi vì:*

Hợp đồng kinh tế số 02/2012/HĐKT ngày 18/4/2012 giữa ông Trương Hữu T và ông Dương Văn H. Theo hợp đồng này thì ông Toán đầu tư tài chính với số vốn 455.000.000 đồng để Dương Văn H tiến hành sản xuất giống cao su tại vườn ươm khu vực Cồn Dầu. Kết thúc mùa vụ thì Dương Văn H sẽ thanh toán lại cho ông Trương Hữu T 595.000.000 đồng.

Ngày 03/5/2012, ông Dương Văn H chuyển giao Hợp đồng này cho Công ty TNT cùng với toàn bộ sản phẩm Tum Bầu giống cao su tại Vườn ươm CD theo Biên bản ngày 03/5/2012 giữa ông Nguyễn Sư T và ông Dương Văn H. Vấn đề này còn được thể hiện tại Tờ trình ngày 01/7/2012 của ông Dương Văn H v/v bàn giao một số Hợp đồng kinh tế và Giấy xác nhận ngày 31/05/2013 của ông Dương

Viết S - Nguyên kế toán Công ty TNT. Theo đó, Dương Văn H thanh toán trực tiếp cho ông Trương Hữu T 295.000.000 đồng, Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại cho ông Trương Hữu T là 300.000.000 đồng, đồng thời công ty sẽ thụ hưởng toàn bộ tài sản tại vườn ươm khu vực Cồn Dầu.

Do đó, ngày 26/2/2013 Dương Văn H lập Giấy đề nghị có nội dung: *“Tạm thời xác thực số tiền mà cá nhân tôi đã chuyển cho các đối tác”*, trong đó có nêu vấn đề chuyển thanh toán cho ông Trương Hữu T.

Nay Công ty lợi dụng Giấy đề nghị ngày 26/2/2013 để cho rằng Công ty chuyển tiền cho Dương Văn H mượn mà không đề cập đến việc Công ty chuyển tiền cho ông Toán do phát sinh từ quan hệ dân sự nào? Nếu cho đây là khoản tiền do Dương Văn H tạm ứng hoặc vay mượn Công ty để chuyển trả cho ông Trương Hữu T thì phải có thủ tục đề nghị tạm ứng, hóa đơn chứng từ xuất tiền ứng để chứng minh. Và tại phiên tòa hôm nay, ngoài Giấy đề nghị này thì Công ty không chứng minh được việc Dương Văn H đã tạm ứng số tiền này của công ty. Đặc biệt tại 02 bản Báo cáo Quyết toán tài chính năm 2013 và năm 2014 của Công ty không có ghi Dương Văn H nợ số tiền này (BL 224-266).

*Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông Dương Văn H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Cao su TNT số tiền góp vốn cổ phần còn thiếu 370.198.000 đồng là trái quy định của pháp luật.*

Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013, xét về nội dung của Biên bản này mang tính đối chiếu số vốn góp của các cổ đông trong Công ty và số vốn còn thiếu chưa góp mà các cổ đông đã đăng ký. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào Biên bản này để buộc Dương Văn H phải trả nợ cho Công ty TNT là trái quy định của Luật doanh nghiệp, bởi lẽ:

Theo khoản 3 Điều 84 Luật doanh nghiệp năm 2005, thì trong trường hợp cổ đông sáng lập không thanh toán đủ các cổ phần đã đăng ký mua thì sẽ được xử lý như sau: Các cổ đông sáng lập còn lại góp đủ số cổ phần đó theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty; một hoặc một số cổ đông sáng lập nhận góp đủ số cổ phần; huy động người khác nhận góp đủ số cổ phần đó... Như vậy, phần cổ đông Dương Văn H chưa đóng đủ pháp luật không quy định đây là một khoản nợ, nên Dương Văn H không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Công ty TNT.

Ngoài ra, còn cho thấy từ đầu năm 2014 thì Công ty TNT đã ngừng hoạt động nên Dương Văn H từ chối không tiếp tục góp thêm vốn góp vào cho Công ty nữa.

***Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty cổ phần cao su TNT.***

Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Văn H và bà Trần Thị Ly L cho rằng thời hiệu khởi kiện đã hết là không đúng, vì nếu đòi lại tài sản thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Về các yêu cầu phản tố của Công ty TNT là có căn cứ pháp luật.

Đối với khoản tiền mua 1.500 cây giống Tum Bầu thành tiền là 22.500.000đồng: Chính Dương Văn H là người viết Giấy biên nhận mua của

Công ty và Công ty TNT đã có Giấy báo nợ gửi cho Dương Văn H, có xác nhận của các nhân chứng như bà Trần Thị T...

Đối với khoản tiền 300.000.000đồng chuyển trả cho ông Trương Hữu T thì cũng chính Dương Văn H viết Giấy đề nghị ngày 26/2/2013 và thừa nhận là Công ty TNT đã chuyển số tiền này cho ông T. Đây là thuộc trường hợp không cần phải chứng minh.

Đối với khoản tiền 370.198.000đồng Dương Văn H còn nợ của Công ty TNT. Đây là số tiền được cân đối trên sổ sách kế toán giữa tài khoản ghi có và tài khoản ghi nợ trừ đi số tiền mà dự tính Dương Văn H góp vốn bằng giá trị vườn ươm vào Công ty nhưng Dương Văn H chưa bàn giao, thể hiện tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013 và nhiều tài liệu khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H đề nghị Công ty TNT phải xác nhận vốn góp cho ông số tiền là 430.000.000đồng là không có cơ sở. Bởi vì thực tế Dương Văn H chưa bàn giao vườn ươm Hồ T cho Công ty TNT.

Từ những lý do trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

*Ý kiến của Kiểm sát viên – đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và qua tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có đủ cơ sở để xác định Công ty TNT đã đưa vào sử dụng vườn ươm cao su Hồ T làm tài sản góp vốn của ông Dương Văn H.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn H, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H đối với bị đơn Công ty Cổ phần cao su TNT.

Buộc Công ty Cổ phần cao su TNT phải có trách nhiệm xác nhận vốn góp đối với khoản tiền 430.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần cao su TNT cho ông Dương Văn H.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố khoản tiền 340.000.000 đồng của bị đơn Công ty TNT.

Hủy một phần yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần cao su TNT, buộc nguyên đơn ông Dương Văn H phải trả cho Công ty TNT số tiền 692.698.000 đồng (Sáu trăm chín hai ngàn sáu trăm chín mươi tám ngàn đồng), giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng nghị số 03/2017/KN-KDTM-VC2 ngày 20/3/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí và hủy toàn bộ Quyết định

sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 06/3/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về tố tụng:** Ông Dương Văn H kháng cáo cho rằng Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể như sau:

**[1.1]. Về điều kiện khởi kiện:** Ông Dương Văn H cho rằng yêu cầu phản tố của bị đơn là tranh chấp giữa Công ty và thành viên Công ty nhưng không tiến hành giải quyết nội bộ trước khi khởi kiện là vi phạm về “điều kiện khởi kiện” quy định tại Điều 39 Điều lệ của Công ty, khoản 9 Điều 22 của Luật Doanh nghiệp 2005 nay là điểm h khoản 1 Điều 25 của Luật Doanh nghiệp 2014. Tuy nhiên, theo qui định tại điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì không thuộc trường pháp luật có qui định về các điều kiện khởi kiện nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Toà án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Dương Văn H.

**[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện:** Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, ông Dương Văn H cho rằng đã có ý kiến yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu nhưng Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị không xem xét là trái quy định pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu phản tố của bị đơn có liên quan đến hoạt động của công ty TNT không qui định thời hạn thanh toán nên về thời hiệu khởi kiện vẫn còn nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Dương Văn H.

**[1.3]. Về các chứng cứ giả mạo:** Ông Dương Văn H kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ giả, trong đó có Biên bản họp ngày 02/11/2013 để chấp nhận yêu cầu phản tố buộc Dương Văn H phải trả nợ 370.198.000 đồng và không công nhận vốn góp của ông vào Công ty là không khách quan, vi phạm pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng đối với các tài liệu được cơ quan giám định đã xác định chữ ký Dương Văn H trong các tài liệu (gồm: Biên bản Đại hội cổ đông ngày 02/4/2012; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 20/5/2012; Danh sách cổ đông sáng lập Công ty ngày 21/6/2012; Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013; Ý kiến của Hội đồng quản trị Công ty ngày 11/10/2014; Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24/10/2015 – Không phải là chữ ký của ông Dương Văn H).

Tuy nhiên, vấn đề này đã được ông Dương Văn H và những người trong Hội đồng quản trị Công ty xác nhận thực chất ông Dương Văn H là người được vợ chồng ông Lê Quang B (anh vợ) nhờ đứng tên hộ cho ông B đang đương chức tại cơ quan Nhà nước. Do vậy, chữ ký của Dương Văn H trong các cuộc họp là do ông B ký thay Dương Văn H nên thực tế không phải là chữ ký của Dương Văn H

(BL 376); Giấy xác nhận ngày 22/8/2016 của bà Nguyễn Thị Kim Q (là vợ của ông B) (BL 384). Hơn nữa, trong các cuộc họp này đều có sự tham gia của ông Dương Văn H, Dương Văn H cũng thống nhất ký văn bản, không có ý kiến phản đối.

Do đó, yêu cầu kháng cáo này của ông Dương Văn H không có cơ sở để chấp nhận.

**[2]. Về nội dung:** Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn H thấy rằng:

***[2.1]. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Dương Văn H về yêu cầu khởi kiện đề nghị Công ty TNT phải công nhận vốn góp của ông là 430.000.000 đồng.***

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Biên bản ngày 03-5-2012 được xác lập giữa ông Dương Văn H và ông Nguyễn Sư T đã thống nhất đưa vườn ươm Hồ T làm tài sản vốn góp vào Công ty TNT có giá trị là 826.000.000 đồng. Kèm theo có Bảng kê dự toán vườn ươm giống cao su Hồ T 2011-2012. Trên cơ sở đó, Công ty TNT đã đưa vườn ươm cao su Hồ T vào sử dụng chung cho Công ty. Điều này, thể hiện tại Bảng quyết toán tài chính năm 2012. Cụ thể, tại Trang “Chứng từ ghi sổ số 02 (BL 55) đã xác định ông Dương Văn H đã góp vốn bằng tài sản: 87.119.000 đồng; chi phí các khoản ở vườn ươm: 714.811.000 đồng. Tổng cộng: 801.930.000 đồng.

Tiếp đến, ngày 30, 31-12-2012 Công ty TNT đã thành lập Tổ kiểm kê tài sản hiện có tại vườn ươm cao su Hồ T (BL 52, 53) và có Báo cáo trang thiết bị đến ngày 31-12-2012 (BL 313, 314) thì các loại tài sản được kiểm kê phù hợp với Bảng kê dự toán vườn ươm giống cao su Hồ T 2011-2012.

Tại Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 02-11-2013 cũng đã xác định ông Dương Văn H đã góp vốn bằng tiền thực có tại Công ty là: 430.732.000 đồng.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đại diện Công ty TNT cũng đã xác định Công ty chỉ có 01 vườn ươm duy nhất là vườn ươm Hồ T.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở để xác định Công ty TNT đã đưa vườn ươm cao su Hồ T của ông Dương Văn H vào sử dụng cho Công ty và được hạch toán là vốn góp vào Công ty TNT. Tòa án cấp sơ thẩm đã cho rằng Dương Văn H chưa bàn giao tài sản cho Công ty là Vườn ươm cao su Hồ T nên Công ty đã họp và ra Nghị quyết đại Hội đồng cổ đông không công nhận nên Dương Văn H không còn là cổ đông của Công ty là có căn cứ, đúng pháp luật; dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Dương Văn H là không đúng thực tế khách quan của vụ án, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Văn H.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông Dương Văn H và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, sửa Bản án sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H đối với bị đơn Công ty Cổ phần cao su TNT về việc yêu cầu xác nhận vốn góp với khoản tiền 430.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần cao su TNT. Buộc Công ty Cổ phần cao su TNT phải có trách nhiệm xác

nhận vốn góp đối với khoản tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) cho ông Dương Văn H tại Công ty Cổ phần cao su TNT.

**[2.2]. Đối với yêu cầu kháng cáo về phần tố của Công ty TNT:**

*[2.2.1]. Về khoản tiền mua 1.500 cây giống với số tiền là 22.500.000 đồng:*

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Giấy biên nhận (BL 326) do Dương Văn H tự viết và ký tên “Người mua cây” với số lượng là 1.500 cây Tum Bầu. Theo giá quy định của Công ty vào tháng 3 năm 2013 có giá là 15.000 đồng/cây, tính thành tiền là 22.500.000 đồng và Giấy báo nợ ngày 21-7-2014 của Công ty, yêu cầu Dương Văn H phải thanh toán số tiền mua cây cho công ty TNT để chấp nhận yêu cầu phần tố của bị đơn.

Ông Dương Văn H kháng cáo cho rằng bị đơn có yêu cầu phần tố để buộc ông phải trả khoản tiền mua 1.500 cây giống đối với số tiền là 22.500.000 đồng là không có cơ sở. Vì theo Giấy Biên nhận chỉ mới thể hiện là đặt vấn đề mua cây giống chứ không phải là đã mua. Thể hiện tại Giấy xác nhận ngày 05/02/2013 do ông Vũ Xuân Trường – Chức vụ Trưởng phòng Khoa học công nghệ thuộc Đoàn KT-QP XX Bình đoàn 1X viết xác nhận đã nhận 1.500 cây Tum Bầu còn thiếu theo Hợp đồng mua bán số 154/2011/HĐMB ngày 29/8/2011.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm: Ông H còn cung cấp thêm chứng mới như: Xác nhận người bóc cây Tum Bầu 2 tầng lá cho Đoàn 79 của bà Trần Thị T và Dương Văn H cũng không thừa nhận có biết và nhận Giấy báo nợ ngày 21-7-2014 của Công ty.

Ngược lại, Công ty TNT cung cấp thêm Giấy xác nhận lập ngày 23/7/2017 của bà Trần Thị Thiệt có nội dung: Ngày 05/02/2012 Công ty TNT có xuất cây giống cao su Bầu Cắm tại vườn cây của Doanh nghiệp TT (Cây của Công ty TNT gửi) để bù cho Bình đoàn XX... những vấn đề mâu thuẫn này Toà án cấp phúc thẩm không thể làm rõ được.

*[2.2.2]. Đối với yêu cầu phần tố của Công ty TNT yêu cầu ông Dương Văn H phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng.*

Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Giấy đề nghị ngày 26/02/2013 (BL 330) Dương Văn H đề nghị Công ty xác nhận với nội dung: “Hợp đồng kinh tế giữa tôi và ông Trương Hữu T quá hạn thanh lý Hợp đồng kinh tế, tôi đã chuyển cho ông Toán 295.000.000 đồng, Công ty chuyển 300.000.000 đồng. Tổng số tiền đã chuyển cho ông Toán nhận đủ là 595.000.000 đồng”. cho rằng đây là số tiền Dương Văn H tạm ứng của Công ty để trả cho ông Trương Hữu T và đối chiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 92 – Bộ luật tố tụng dân sự thì đã quá rõ, không thuộc trường hợp phải chứng minh là chưa có đầy đủ căn cứ.

Ông Dương Văn H kháng cáo cho rằng Hợp đồng kinh tế số 02/2012/HĐKT ngày 18/4/2012 giữa ông Trương Hữu T và ông Dương Văn H. Theo hợp đồng này thì ông T đầu tư tài chính với số vốn 455.000.000 đồng để Dương Văn H tiến hành sản xuất giống cao su tại vườn ươm khu vực Cồn Dầu. Kết thúc mùa vụ thì Dương Văn H sẽ thanh toán lại cho ông Trương Hữu T 595.000.000 đồng.

Đến ngày 03/5/2012, ông Dương Văn H chuyển giao Hợp đồng này cho Công ty TNT cùng với toàn bộ sản phẩm Tum Bàu giống cao su tại Vườn ươm CD theo Biên bản ngày 03/5/2012 giữa ông Nguyễn Sư T và ông Dương Văn H. Vấn đề này còn được thể hiện tại Tờ trình ngày 01/7/2012 của ông Dương Văn H về việc bàn giao một số Hợp đồng kinh tế và Giấy xác nhận ngày 31/05/2013 của ông Dương Viết S - Nguyên kế toán Công ty TNT đã thể hiện rõ là Công ty đã tiếp nhận và lưu giữ 03 hợp đồng do Dương Văn H chuyển giao. Theo đó, Dương Văn H thanh toán trực tiếp cho ông Trương Hữu T 295.000.000 đồng, Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn lại cho ông Trương Hữu T là 300.000.000 đồng, đồng thời công ty sẽ thụ hưởng toàn bộ tài sản tại vườn ươm khu vực Cồn Dâu. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Trương Hữu T xác nhận là ông chỉ biết ký hợp đồng và làm việc với Dương Văn H; ông không biết có việc chuyển giao Hợp đồng giữa Dương Văn H với Công ty.

Từ những phân tích trên, để đảm bảo quyền lợi cả hai bên cần phải xác minh làm rõ có hay không việc ông Dương Văn H đã chuyển giao 03 hợp đồng theo Tờ trình ngày 01/7/2012 của ông Dương Văn H cho Công ty TNT và thực chất Công ty TNT có sử dụng vườn ươm theo Hợp đồng kinh tế số 02/2012/HĐKT ngày 18/4/2012 giữa ông Trương Hữu T và ông Dương Văn H không? thì mới có cơ sở vững chắc để giải quyết vụ án.

*[2.2.3]. Đối với yêu cầu phản tố của Công ty TNT yêu cầu ông Dương Văn H trả cho công ty 370.198.000 đồng:*

Theo Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013 và Bảng kê chi tiết kèm theo (BL 331, 332) đã xác định: Trong tổng các khoản ghi có của Dương Văn H 2.166.140.000 đồng thì có dự tính 800.930.000 đồng là giá trị vườn ươm giống cao su Hồ T mà Dương Văn H cam kết góp vốn. Công ty TNT cho rằng do Dương Văn H chưa bàn giao tài sản nên phải trừ đi giá trị vườn ươm là 800.930.000 đồng, còn lại 1.365.210.000 đồng, số tiền Dương Văn H còn nợ là: 369.268.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với khoản tiền này về số liệu chưa được xác định làm rõ là 370.198.000 đồng hay 369.268.000 đồng để chấp nhận số liệu nào là chính xác. Tuy nhiên, như đã phân tích phần [2.1]. về yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn H yêu cầu Công ty TNT phải công nhận vốn góp cho ông là 430.000.000 đồng thì thấy đã thể hiện rõ là Công ty TNT đã sử dụng vườn ươm Hồ T của Dương Văn H. Tại Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị ngày 02/11/2013, tại Mục II đã xác định: Giá trị tiền thực tế góp vào Công ty TNT của 03 cổ đông. Trong đó, ông Nguyễn Sư T: 1.672.100.000 đồng; ông Dương Văn H: 430.732.000 đồng; ông Dương Văn H 400.000.000 đồng. Tuy nhiên, do giữa hai bên chưa tiến hành lập Biên bản bàn giao cụ thể cho nên chưa xác định cụ thể số liệu chính thức là bao nhiêu. Vấn đề này còn nhiều mâu thuẫn, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập đầy đủ chứng cứ và xác minh làm rõ.

Qua phân tích như trên, Hội đồng xét xử xét thấy do tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các đương sự đã cung cấp thêm chứng cứ mới có sự mâu thuẫn nhau, cần phải tiến hành đối chất, xác minh làm rõ để xác định chấp nhận hay không

chấp nhận chứng cứ nào. Đồng thời yêu cầu các đương sự cung cấp đầy đủ chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử không thể khắc phục được nên căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự huỷ một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/02/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần cao su TNT, buộc nguyên đơn ông Dương Văn H phải trả cho Công ty TNT số tiền 692.698.000 đồng; chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

**[3.] Đối với Kháng nghị số 03/2017/KN-KDTM-VC2 ngày 20/3/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:** yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm về phần án phí; Đồng thời huỷ toàn bộ Quyết định sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm số 01/2017/QĐ-SCBSBA ngày 06/3/2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Hội đồng xét xử xét thấy đối với vụ án kinh doanh thương mại là có giá ngạch. Trong Bản án gốc đã tuyên tại phiên toà về phần án phí là đúng quy định pháp luật. Về Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Tuy nhiên, sau đó Toà án cấp sơ thẩm lại ra Quyết định sửa chữa án phí theo mức không có giá ngạch là trái quy định pháp luật. Mặt khác, việc sửa chữa cả một phần án phí như thế là vi phạm Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Tuy nhiên, do Bản án sơ thẩm bị sửa một phần và huỷ một phần nên về án phí cũng phải quyết định lại theo Luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

#### **[4.]. Về án phí:**

**[4.1.]. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Buộc Công ty Cổ phần cao su TNT phải chịu 21.200.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng) đối với yêu cầu khởi kiện của Dương Văn H được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.490.000 đồng theo Biên lai số 000453 ngày 20-5-2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Hoàn trả lại cho ông Dương Văn H số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 10.600.000 đồng theo Biên lai số 000456 ngày 27-4-2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

**[4.2.]. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:** Ông Dương Văn H không phải chịu, hoàn trả lại cho ông Dương Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai số 000477 ngày 14-3-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Vì các lẽ trên;



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 308; Điều 309; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 29 của Luật doanh nghiệp năm 2005; Điều 36, Điều 37, khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 112, Điều 147 của Luật doanh nghiệp 2014; khoản 4 Điều 30; khoản 1 Điều 147; khoản 1 khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

### 1. Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Văn H.

Chấp nhận yêu cầu Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

1.1. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn H đối với bị đơn Công ty Cổ phần cao su TNT về việc yêu cầu xác nhận vốn góp với khoản tiền 430.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần cao su TNT.

Buộc Công ty Cổ phần cao su TNT phải có trách nhiệm xác nhận vốn góp đối với khoản tiền 430.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) cho ông Dương Văn H tại Công ty Cổ phần cao su TNT.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu ông Dương Văn H huỷ một phần Nghị quyết đại hội đồng cổ đông ngày 24/10/2015 của Công ty Cổ phần cao su TNT.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu phản tố khoản tiền 340.000.000 đồng của bị đơn Công ty TNT.

1.2. Huỷ một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/02/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Cổ phần cao su TNT về việc buộc nguyên đơn ông Dương Văn H phải trả cho Công ty TNT số tiền 692.698.000 đồng (Sáu trăm chín mươi hai triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn đồng); chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

### 2. Về án phí:

**2.1. Án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:** Buộc Công ty Cổ phần cao su TNT phải chịu 21.200.000 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm ngàn đồng) đối với yêu cầu khởi kiện của Dương Văn H được chấp nhận nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.490.000 đồng theo Biên lai số 000453 ngày 20-5-2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Hoàn trả lại cho ông Dương Văn H số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 10.600.000 đồng theo Biên lai số 000456 ngày 27-4-2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

**2.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:** Ông Dương Văn H không phải chịu, hoàn trả lại cho ông Dương Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai số 000477 ngày 14-3-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

**3.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Võ Ngọc Thông**